TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2021/HNGĐ- ST
Ngày 30/06/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Nhật**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Từ Tứ Hải**
2. Bà Nguyễn Thị Việt Tím
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 30 tháng 06 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2021 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 06 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Lê Thị T**, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: số 452, ấp T H A, xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn**: Anh Trần Đức T**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 15, ấp K 2A, xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Lê Thị T trình bày: tôi và anh Trần Đức T chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/2019 tại UBND xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang. Trước khi chung sống, tôi và anh T có quen biết và có tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng tôi thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm đến cuộc sống vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tôi có khuyên chồng tôi nhiều lần nhưng chồng tôi không nghe vẫn chứng nào tật ấy, hiện nay tôi và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 08 năm 2020 cho đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thanh T, sinh ngày 30/03/2020.

Hiện nay cháu T đang chung sống với tôi.

- Về tài sản chung: quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung.

- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Trần Đức T.

Về quan hệ con chung: tôi yêu cầu xin được nhận nuôi dưỡng cháu Trần Thanh T, sinh ngày 30/03/2020, yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn anh Trần Đức T trình bày**: Tòa án đã tống đạt các văn bản cho anh Trần Đức T theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** anh Trần Đức T với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Trần Đức T, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của chị T về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Trần Đức T là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là do anh T thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm đến

cuộc sống vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị T có khuyên anh T nhiều lần nhưng anh T không nghe vẫn chứng nào tật ấy. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị T và anh T đã sống ly thân từ tháng 08 năm 2020 cho đến nay. Vì vậy lời yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh T được Tòa án chấp thuận.

[4] **Về quan hệ con chung:** Chị T xin được nhận nuôi cháu Trần Thanh T, sinh ngày 30/03/2020. Xét thấy giao cháu Trần Thanh T, sinh ngày 30/03/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Do cháu Trần Thanh T hiện nay 15 tháng tuổi, cháu còn quá nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ và từ lúc chị T và anh T sống ly thân từ tháng 08 năm 2020 cho đến nay thì cháu T được chị T trông nom, chăm sóc, giáo dục đầy đủ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Trần Thanh T cho chị T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[5] Xét yêu cầu của chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thanh T, sinh ngày 30/03/2020, 1.000.000đ/01 tháng cho đến khi cháu Trần Thanh T đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thanh T của chị T là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn và gia đình năm 2014 quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Hiện nay tại phiên tòa cho thấy anh Trần Đức T có nghề làm ruộng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy anh Trần Đức T cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thanh T 1.000.000 đồng/01 tháng là phù hợp với thực tế. Vì vậy Hội đồng xét xử buộc anh Trần Đức T cấp dưỡng cho cháu Trần Thanh T số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Trần Thanh T đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định pháp luật, thời gian bắt đầu anh Trần Đức T cấp dưỡng cho cháu Trần Thanh T kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung**: Do chị T và anh T không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0008339 ngày 04/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

[8] **Về án phí cấp dưỡng:** áp dụng điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Trần Đức T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị T và anh Trần Đức T được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Thanh T, sinh ngày 30/03/2020 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T về cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thanh Trúc số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng. Buộc anh Trần Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trần Thanh T số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Trần Thanh T đủ 18 tuổi, thời gian bắt đầu anh Trần Đức T cấp dưỡng cho cháu Trần Thanh T kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị T nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0008339 ngày 04/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

5. Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh Trần Đức T nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Lê Thị T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Trần Đức T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật